

Bản án số: 163/2020/HS-PT
Ngày: 26-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý **số:** 130/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo Trương Văn C và đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo Trương Văn C, Hồ Văn T và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 263/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Toà án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Trương Văn C, sinh năm 1973 tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: số 93/14A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trương Văn L và bà Lương Thị K; vợ tên Mai Thị L, sinh năm 1976 (là bị cáo trong cùng vụ án); có 02 người con, sinh năm 1994 và năm 1996; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 03/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Hồ Văn T, sinh năm 1981 tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp L1, xã LB, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: số 112/39, đường ĐT743C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị Q; bị cáo có 01 người con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 07/02/2018, Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, theo Bản án số 34/2018/HSST (bị cáo chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ ngày 07/02/2018, nộp án phí ngày 03/4/2018); có mặt.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo bị kháng nghị, không kháng cáo:

1. Mai Thị L, sinh năm 1976 tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: ấp B, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: số 93/14A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Mai Văn D, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết); chồng tên Trương Văn C, sinh năm 1973 (cùng là bị cáo trong vụ án) và có 02 con sinh năm 1994 và năm 1996; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Hồ Thanh B, sinh năm 1984 tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: số 112/13, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Hồ Văn L và bà Nguyễn Thị Q; vợ tên Lê Thị N, sinh năm 1987; có 02 con sinh năm 2009 và năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Lê Hữu Đ, sinh năm 1977 tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: số 112/39, đường ĐT 743C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; con ông Lê Văn Y, sinh năm 1946 và bà Hồ Thị M, sinh năm 1947; vợ tên Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1980 (là bị cáo trong cùng vụ án); có 02 con sinh năm 2001 và năm 2007; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Lê Thị T, sinh năm 1982 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: số 112/42, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Lê Văn C, sinh năm 1960 và bà Trần Thị Đ, sinh năm 1960; chồng tên Trần Hoàng G, sinh năm 1982; có 02 con sinh năm 2009 và năm 2011; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Trần Hoàng T1, sinh năm 1988 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: số 15/12A, khu phố T,

phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Huỳnh Thị Bé S, sinh năm 1964; vợ tên Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1994; có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Trần Hoàng T2, sinh năm 1985 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: Tổ 8A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn N (đã chết) và bà Châu Thị T; vợ tên Thị S, sinh năm 1986 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Châu Thị M, sinh năm 1989 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp B2, xã T, huyện T, tỉnh S; tạm trú: số 15/12A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Châu Văn L và bà Châu Thị T; chồng tên Phạm Đông H, sinh năm 1990 và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1980 tại tỉnh An Giang; thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: số 112/39, đường ĐT743, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Hòa Hảo; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); chồng tên Võ Thanh H, sinh năm 1983 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Hồ Văn T, sinh năm 1981 tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp Long Phú 1, xã Long Điền B, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; tạm trú: số 112/39, đường ĐT743C, khu phố Tân Long, phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông Hồ Văn Lắm và bà Nguyễn Thị Quyến; bị cáo có 01 con, sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 07/02/2018, Tòa án nhân dân thị xã D (nay là thành phố D), tỉnh Bình Dương xử phạt 10 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, theo Bản án số 34/2018/HSST (bị cáo chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ ngày 07/02/2018, bị cáo nộp án phí ngày 03/4/2018).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. Hà Ngọc L1, sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: số 188/154, đường L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: số 136/10A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; con ông Hà Tô H và bà Phan Thị Anh K; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. Lê Hùng S, sinh năm 1974 tại tỉnh Đồng Tháp; hộ khẩu thường trú: Khóm 3, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1929 và bà Lê Thị K, sinh năm 1939; vợ tên Trần Thị H, sinh năm 1976 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. Nguyễn Trí Đ1, sinh năm 1992 tại tỉnh Bạc Liêu; hộ khẩu thường trú: Ấp T1, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; tạm trú: khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 và bà Trần Thị H, sinh năm 1960; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

13. Nguyễn Thị Ngọc L2, sinh năm 1980 tại tỉnh An Giang; hộ khẩu thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; tạm trú: số 112/39, đường ĐT743C, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị K; chồng tên Lê Hữu Đ, sinh năm 1977 (là bị cáo trong cùng vụ án) và có 03 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/02/2020 đến ngày 12/02/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Thị L, Trương Văn C là vợ chồng, cùng thuê phòng trọ tại địa chỉ: số 93/14A, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khoảng 18 giờ ngày 11/02/2020, Hồ Thanh B, Lê Thị T, Trần Hoàng T1, Trần Hoàng T2, Châu Thị M, Nguyễn Thị Bé N, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S và ba thanh niên không rõ lai lịch đến phòng trọ của L, C để tổ chức ăn uống. Vào lúc 19 giờ 30 phút cùng ngày, L cho các đối tượng nêu trên lên gác nhà của mình đánh bài binh 06 lá ẩn độ thắng thua bằng tiền nhưng phải cho L tiền xâu. Lúc này, L gọi điện thoại rủ Nguyễn Trí Đ1 và Hồ Văn T đến phòng trọ của L đánh bạc. Nguyễn Thị Ngọc L2 đến nhà L chơi, nhìn thấy các đối tượng đang đánh bạc thắng thua bằng tiền, do L2 không mang theo tiền nên gọi điện cho chồng là Lê Hữu Đ, nói đem tiền

đến nhà L đánh bạc và Đ mang tiền đến cùng tham gia đánh bạc. Tất cả đánh bạc đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Trương Văn C đi làm về chứng kiến việc L đang cho các đối tượng đánh bạc để thu tiền xâu nên C cùng tham gia chơi.

Khi đánh bạc, các đối tượng quy định mỗi ván đặt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng, ai làm cái thắng thì xâu cho L mỗi vòng làm cái từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng. Trong khi chơi đánh bạc, ba thanh niên không rõ lai lịch đi về trước và xâu cho L 180.000 đồng.

Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì bị Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố D bắt quả tang, thu giữ 27.750.000 đồng tiền tang dưới chiếu bạc. Đồng thời, thu giữ trong người các đối tượng 23.900.00 đồng; 01 bộ bài tây 52 lá; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen có sim 0345.055.484 của bị cáo L; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh có sim số 0946.112.647 của bị cáo Đ1; 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 màu đen có sim số 0327.898.404 của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ sim số 0384.707.880 của bị cáo L2; 01 điện thoại Samsung A6 có sim số 0399.663.709 của bị cáo Đ.

Qua điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau:

Lê Hữu Đ mang theo 8.500.000 đồng, sử dụng 4.500.000 đồng để đánh bạc, thua 1.500.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 3.000.000 đồng dưới chiếu bạc và 4.000.000 đồng trong người.

Nguyễn Trí Đ1 mang theo 9.500.000 đồng, sử dụng 5.500.000 đồng để đánh bạc, thua 3.200.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 2.300.000 đồng trên chiếu bạc và 4.000.000 đồng trong người.

Trần Hoàng T2 mang theo 800.000 đồng, sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, thua 300.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 500.000 đồng dưới chiếu bạc.

Lê Hùng S mang theo 200.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, thắng 600.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 800.000 đồng trên chiếu bạc.

Trần Hoàng T1 mang theo 800.000 đồng, sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, thắng 400.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 1.200.000 đồng trên chiếu bạc.

Hồ Thanh B mang theo và sử dụng 1.400.000 đồng đánh bạc, thua 200.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 1.200.000 đồng trên chiếu bạc.

Lê Thị T mang theo 5.000.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 400.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 1.400.000 đồng trên chiếu bạc và 4.000.000 đồng trong người.

Nguyễn Thị Bé N mang theo và sử dụng 1.200.000 đồng đánh bạc, thắng 300.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 1.500.000 đồng trên chiếu bạc.

Nguyễn Thị Ngọc L2 sử dụng 7.000.000 đồng (do Đ đưa) để đánh bạc, thua 400.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 6.600.000 đồng trên chiếu bạc.

Châu Thị M mang theo và sử dụng 500.000 đồng đánh bạc, thắng 2.200.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 2.700.000 đồng trên chiếu bạc.

Hà Ngọc L1 mang theo và sử dụng 850.000 đồng đánh bạc, thua 200.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 650.000 đồng trên chiếu bạc.

Hồ Văn T mang theo 12.900.000 đồng, sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, thắng 1.400.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 11.900.000 đồng trong người và 2.400.000 đồng trên chiếu bạc.

Trương Văn C sử dụng 3.000.000 đồng đánh bạc, thắng 500.000 đồng, khi bị bắt bị thu giữ 3.500.000 đồng trên chiếu bạc.

Mai Thị L không tham gia đánh bạc nhưng cho 12 bị cáo sử dụng phòng trọ của mình để đánh bạc được thua bằng tiền để lấy tiền xâu, thời điểm bị bắt L thu tiền xâu được 180.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 27.930.000 đồng.

Đối với ba thanh niên tham gia đánh bạc cùng các bị cáo, do không xác định nhân thân, lai lịch nên Công an thành phố D tách ra để xác minh xử lý sau.

Đối với số tiền 4.000.000 đồng của T, 4.000.000 đồng của Đ1, 11.900.000 đồng của T, 4.000.000 đồng của Đ không dùng đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã trả lại cho các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 263/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn C phạm tội “Đánh bạc” và tội “Gá Bạc”;

Tuyên bố bị cáo Hồ Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trương Văn C 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

- Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc”.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt chính (cải tạo không giam giữ và hình phạt tù). Buộc bị cáo Trương Văn C phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 03/4/2020.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T 07 (bảy) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020.

Xử phạt bổ sung bị cáo Hồ Văn T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Bản án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo: Hồ Thanh B 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, Lê Hữu Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, Lê Thị T, Trần Hoàng T1, Trần Hoàng T2, Châu Thị M và Lê Hùng S, Hà Ngọc L1 mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Thị Bé N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Trí Đ1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, Nguyễn Thị Ngọc L2 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”; bị cáo Mai Thị L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Gá Bạc”; tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 20/7/2020, các bị cáo Hồ Văn T và Trương Văn C làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 29/7/2020, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút toàn bộ kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Hồ Văn T và Trương Văn C làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo và Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D kháng nghị. Xét thấy, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã rút toàn bộ kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo: Mai Thị L, Hồ Thanh B, Lê Thị T, Trần Hoàng T1, Trần Hoàng T2, Châu Thị M, Nguyễn Thị Bé N, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S, Lê Hữu Đ, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Thị Ngọc L3. Các bị cáo Trương Văn C và Hồ Văn T kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Bị cáo C cùng vợ là bị cáo L đồng ý cho các bị cáo khác đánh bạc tại phòng trọ của mình, đồng ý cho bị cáo L thu tiền xâu từ các đối tượng đánh bạc và có 02 tình tiết định khung hình phạt; bị cáo T có nhân thân xấu: năm 2018 bị xét xử về tội “Đánh bạc”, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc với lỗi cố ý, tham gia đánh bạc với vai trò thực hành tích cực. Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C và T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo C và T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo C và T nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo C, T và Quyết định kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, vắng mặt bị cáo Nguyễn Trí Đ1, tuy nhiên, bị cáo Đ1 không kháng cáo và tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã rút kháng nghị đối với bị cáo nên việc vắng mặt của bị cáo không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo Đ1.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trương Văn C và Hồ Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Tối ngày 11/02/2020, bị cáo Mai Thị L cùng với chồng là bị cáo Trương Văn C cho các bị cáo Hồ Thanh B, Lê Thị T, Trần Hoàng T1, Trần Hoàng T2, Châu Thị M, Nguyễn Thị Bé N, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S, Hồ Văn T, Lê Hữu Đ, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Thị Ngọc L3 và ba thanh niên không rõ lai lịch sử dụng phòng trọ của mình tại địa chỉ: số 93/14A, khu phố Tân Long, phường Tân Đông Hiệp, thành phố D, tỉnh Bình Dương để đánh bạc dưới hình thức đánh bài binh 06 lá ẩn độ được thua bằng tiền nhưng phải cho L tiền xâu; trong đó bị cáo C cùng tham gia đánh bạc với các đồng phạm. Đến khi bị Công an bắt quả tang, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 27.500.000 đồng và bị cáo L thu tiền xâu được 180.000 đồng.

Hành vi đánh bạc được thua bằng tiền của bị cáo Hồ Văn T và đồng phạm đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Trương Văn C sử dụng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình cho 14 bị cáo khác đánh bạc được thua bằng tiền với số tiền đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên và cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo khác nên đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi gá bạc và đánh bạc của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt lẫn nhau được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, muốn chiếm đoạt tiền của nhau nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút kháng nghị nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Hình sự, quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo bị kháng nghị và không có kháng cáo: Mai Thị L, Hồ Thanh B, Lê Thị T, Trần Hoàng T1, Trần Hoàng T2, Châu Thị M, Nguyễn Thị Bé N, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S, Lê Hữu Đ, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Thị Ngọc L3.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Trương Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo tham gia với vai trò thực hành tích cực, sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, có 02 tình tiết định khung về tội “Gá bạc”: sử dụng nhà của mình làm địa điểm cho 14 bị cáo khác tham gia đánh bạc được thua bằng tiền và thu tiền xâu từ các đối tượng đánh bạc. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới có mẹ ruột tên Lương Thị K được tặng Bằng khen đã góp công sức vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là không nặng, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên kháng cáo của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của bị cáo Hồ Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo T tham gia đánh bạc với vai trò thực hành tích cực, có nhân thân xấu: năm 2018 bị kết án về tội “Đánh bạc” với mức hình phạt 10 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ nhưng mức hình phạt đó vẫn chưa đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo, chưa giúp bị cáo nhận ra được hành vi sai trái của mình, mà còn tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Do đó, mức hình phạt 07 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[7] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C và T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo C và T không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo: Mai Thị L, Hồ Thanh B, Lê Thị T, Trần Hoàng T1, Trần Hoàng T2, Châu Thị M, Nguyễn Thị Bé N, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S, Lê Hữu Đ, Hà Ngọc L1, Lê Hùng S, Nguyễn Trí Đ1, Nguyễn Thị Ngọc L3.

2. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn T và Trương Văn C.

3. Giữ nguyên Bản sơ thẩm số 263/2020/HS-ST ngày 16/7/2020 của Toà án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3.1. Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bổ sung bị cáo Trương Văn C 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Áp dụng các điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C 01 (một) năm tù về tội “Gá bạc”.

Tổng hợp hình phạt của hai tội (cải tạo không giam giữ và hình phạt tù). Buộc bị cáo Trương Văn C phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 03/4/2020.

3.2. Áp dụng các khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2020 đến ngày 10/4/2020.

Xử phạt bổ sung bị cáo Hồ Văn T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

4. Án phí hình sự phúc thẩm

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Trương Văn C và Hồ Văn T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA

Huỳnh Văn Luật

Trương Văn Lộc

Bùi Ngọc Thạch

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương; 1
- TAND thành phố D; 2
- VKSND thành phố D; 1
- Chi cục THADS thành phố D; 1
- Phòng PV06 Công an tỉnh BD; 1
- Công an thành phố D; 1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; 1
- Bị cáo; 15
- Tổ Hành chính Tư pháp; 2
- Lưu: HSVA, Tòa HS. 2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Ngọc Thạch

